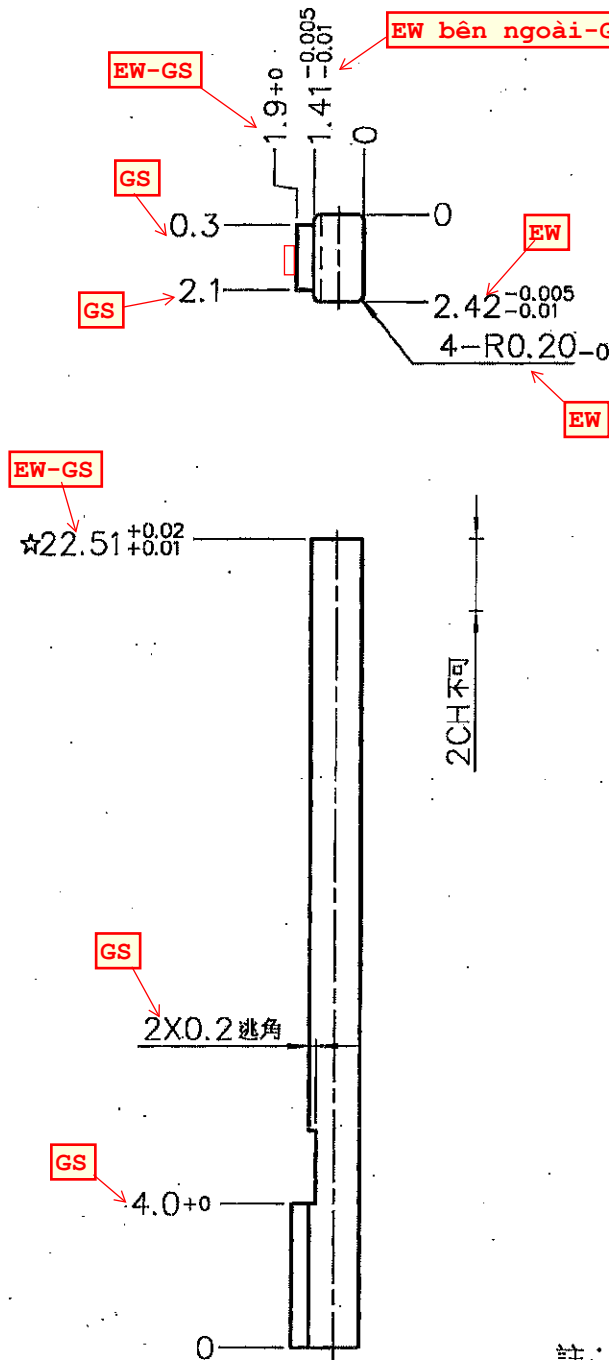


8000

4144010058.S446682 - GIA CONG - 16/04/2024

訂正Rev	日	付	記	擔	當	金 型 加 工 公 差 表 示			
						0.0000	±0.002	0.000 ⁺⁰	+0 -0.005
						0.000	±0.005	0.000-0	+0.005 -0
						0.00	±0.01	0.00 ⁺⁰	+0 -0.01
						0.0	±0.1	0.00-0	+0.01 -0
						0.	±0.2	0.0 ⁺⁰	+0 -0.1
								0.0-0	+0.1 -0
圖面上有公差表示時,以圖面公差優先									



XUẤT BẢN VẼ
BẢN VẼ DÙNG
CHÊ TẮC - NGHIỆM THU
HỦY SAU KHI HOÀN TẤT
DO NOT COPY
2024.01.12
P.QLKTSX VDM

S CHUẨN

註: 1) "☆" 所示處為型合面
2) 指示外各稜倒角C0.2

加工順	工程
01	
02	
03	
04	
05	
06	
07	
08	
09	
10	
11	
12	

32-R37XA

部 品 名			材 質		數 量		設 備 名 稱		
固定側入子			RIGOR		16		電刷固定座模具		
熱 處 理		表 面 處 理		檢 圖	設 計	製 圖	日 期	共通部品番號	
燒入 HRC 56~58 燒灰				蘇木村	蘇禾桂 江島	蘇禾桂 江島	2004/12/20		
尺 度		第三	圖面	S446682					訂正 REV
5:1 (/)		角法	番號						
									MS02-043T-00-1-122-AA\M97818.DWG

華洲電機工業股份有限公司 v.2

SNO: **S446682**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: VLTD(EW)	EW:40 GS:90 KT